

Bản án số: **146/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 6 - 2022

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hà Linh

2. Ông Bàn Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22/3/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tạ Thị Q (Tạ Ngọc Q), sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 6 T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Tạ Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tạ Thị Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn từ năm 2014. Trước khi kết hôn hai bên được tự tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 10/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn A, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng chỉ

hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh H không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung mà ngày càng mâu thuẫn gay gắt nên anh H đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn 6 T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng đã sống ly thân được hơn 3 năm không còn hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Văn H đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể đoàn tụ để tiếp tục duy trì đời sống chung cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành và phát triển kinh tế gia đình được nữa. Do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H để giải phóng cho hai người đi tìm cuộc sống mới hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 29/01/2015. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Tr vẫn sống cùng chị nên khi ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn H không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Q.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và người thân thích của bị đơn anh Nguyễn Văn H, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Q và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị Q, anh H về chung sống tại thôn A, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Anh H đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn 6 T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang sau đó bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với chị Q từ 03 năm nay. Do đó tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh H không còn tồn tại trên thực tế, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chính quyền địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Q và anh H theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình, gia đình cũng đã

thông báo lại cho anh H biết về việc chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H và Tòa án triệu tập anh H đến làm việc, tuy nhiên anh H báo lại là đang đi làm ăn xa không về, nhưng không thông báo cho gia đình và địa phương biết anh H đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Q, anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 29/01/2015. Kể từ khi anh H bỏ đi làm ăn xa và sống ly thân với chị Q thì cháu Nguyễn Bảo Tr vẫn sống cùng chị Q.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng chị Tạ Thị Q, anh Nguyễn Văn H không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Hiện tại chị Q đang có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn A, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang còn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú cùng hộ gia đình bố mẹ đẻ tại thôn 6 T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Mặc dù anh H đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà bố mẹ đẻ và thường xuyên liên lạc với những người thân trong gia đình. Người thân trong gia đình đã thông báo cho anh H biết việc chị Q khởi kiện xin ly hôn với anh H nhưng anh H không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Hiện tại anh H làm gì và ở địa chỉ cụ thể như thế nào thì gia đình và địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Tạ Thị Q thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn H chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị Q (Tạ Ngọc Q):

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị Q (Tạ Ngọc Q) được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 29/01/2015 cho chị Tạ Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua lời khai của nguyên đơn và qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị Q, anh H không có tài

sản, đất đai, vay nợ chung, do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Tạ Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng do chị Q là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, quá trình giải quyết vụ án chị Quyết có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí do đó đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Tạ Thị Q.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Tạ Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn H, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 6 T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn 6 T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Tạ Thị Q đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Văn H. Anh H đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh H hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh H đã biết được việc chị Q khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh H không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh H đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị Q thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Q (Tạ Ngọc Q) và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị Quyết, anh Hải về chung sống tại thôn A, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh H bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn 6 T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, sau đó đi làm ăn xa và sống ly thân với chị Q từ 03 năm nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh H đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Tạ Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Tạ Thị Q và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 29/01/2015. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Tr vẫn sống cùng chị Q. Quá trình giải quyết vụ án chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Tr và không yêu cầu anh Hải phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Ngoài ra, hiện tại anh H cũng đang đi làm ăn xa, không có địa chỉ liên lạc cụ thể. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr cho chị Tạ Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn H không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Tạ Thị Q và anh Nguyễn Văn H không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, chị Tạ Thị Q cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Tạ Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Nguyễn Văn H không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị Q (Tạ Ngọc Q).

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị Q (Tạ Ngọc Q) được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 29/01/2015 cho chị Tạ Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn H không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Tạ Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Nguyễn Văn H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Tạ Thị Q và bị đơn anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã M (Giấy chứng nhận kết hôn số 75, ngày 10/9/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San